

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Long Bien Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIRAC
AIP SUP
47/23
Có hiệu lực từ
Effective from
28 DEC 2023
Được xuất bản vào
Published on
16 NOV 2023

**THIẾT LẬP, ĐIỀU CHỈNH VÀ HỦY BỎ CÁC KHU
CHỜ TRÊN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TRONG VÙNG
THÔNG BÁO BAY HÀ NỘI VÀ HỒ CHÍ MINH**

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này nhằm thông báo về việc thiết lập, điều chỉnh và hủy bỏ các khu chờ trên đường hàng không trong vùng thông báo bay Hà Nội và Hồ Chí Minh.

Nội dung của tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này sẽ thay thế các nội dung tại mục ENR 3.6 trong AIP Việt Nam.

2 CHI TIẾT

Ghi chú: Các khu chờ dưới đây chỉ được sử dụng khi không có hoạt động bay quân sự trong khu vực liên quan hoặc đã có hiệp đồng giữa các cơ quan, đơn vị HKDD và quân sự, đồng thời được sự đồng ý của Trung tâm QLHĐB khu vực liên quan.

**2.1 THIẾT LẬP KHU CHỜ MỚI TRÊN ĐƯỜNG HÀNG
KHÔNG TRONG VÙNG THÔNG BÁO BAY HÀ NỘI
VÀ HỒ CHÍ MINH**

**ESTABLISHMENT, ADJUSTMENT AND CANCELLA-
TION OF EN-ROUTE HOLDINGS WITHIN HA NOI AND
HO CHI MINH FIRS**

1 INTRODUCTION

This AIRAC AIP Supplement aims at notifying the establishment, adjustment and cancellation of en-route holding within Ha Noi and Ho Chi Minh FIRs.

The contents of this AIRAC AIP Supplement will replace the contents in section ENR 3.6 of the Viet Nam AIP.

2 DETAILS

Note: The following en-route holdings are only used when there are no military flight operations in the relevant area or when there is an coordination between the civil aviation and military authorities, with the approval of the relevant Regional Air Command Centre.

**2.1 THE ESTABLISHMENT OF NEW EN-ROUTE HOLD-
ING WITHIN HA NOI AND HO CHI MINH FIRS**

Tên khu chờ/Điểm chờ/ Lộ điểm Tọa độ HLDG ID/FIX/WPT Coordinates	Hướng về đài (°MAG) INBD TR (°MAG)	Hướng vòng lượn tiêu chuẩn Direction of PTN	Đồng hồ chỉ không tốc tối đa (KT) MAX IAS (KT)	Mức bay khu chờ tối đa/tối thiểu FL / FT (MSL) MNM - MAX HLDG LVL FL / FT (MSL)	Thời gian (phút) hoặc khoảng cách rời đài Time (MIN) or DIST OUBD	Cơ quan kiểm soát và tần số Controlling unit and Frequency
VAN DON/VDO DVOR/DME 210424N 1072324E	070°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ha Noi ACC - Sector 1 FREQ: 132.300 MHZ
CAT BI/CBI DVOR/DME 204856N 1064328E	003°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ha Noi ACC - Sector 2 FREQ: 133.650 MHZ
DILEN 220635N 1052813E	174°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ha Noi ACC - Sector 1 FREQ: 132.300 MHZ
NA SAN/BQ NDB 211254N 1040217E	092°	Left	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ha Noi ACC - Sector 1 FREQ: 132.300 MHZ
VINH / VIN DVOR/DME 184403N 1054006E	321°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ha Noi ACC - Sector 3 FREQ: 125.900 MHZ
SADIN 150448N 1081038E	182°	Left	NIL	FL 120 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ho Chi Minh ACC Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ

Tên khu chờ/Điểm chờ/ Lộ điểm Tọa độ HLDG ID/FIX/WPT Coordinates	Hướng về đài (°MAG) INBD TR (°MAG)	Hướng vòng lượn tiêu chuẩn Direction of PTN	Đồng hồ chỉ không tốc tối đa (KT) MAX IAS (KT)	Mức bay khu chờ tối đa/tối thiểu FL / FT (MSL) MNM - MAX HLDG LVL FL / FT (MSL)	Thời gian (phút) hoặc khoảng cách rời đài Time (MIN) or DIST OUBD	Cơ quan kiểm soát và tần số Controlling unit and Frequency
VILOT 150219N 1080642E	186°	Left	NIL	FL 120 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ho Chi Minh ACC Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ
TATIM 145850N 1080111E	353°	Left	NIL	FL 120 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ho Chi Minh ACC Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ
LATOM 145246N 1075037E	002°	Left	NIL	FL 120 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ho Chi Minh ACC Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ
SADAS 131912N 1074946E	002°	Left	NIL	FL 090 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ - Sector 2 FREQ: 120.100 MHZ
ENGIM 132026N 1080821E	182°	Left	NIL	FL 090 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ - Sector 2 FREQ: 120.100 MHZ
MEVON 132011N 1080427E	177°	Left	NIL	FL 090 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ - Sector 2 FREQ: 120.100 MHZ
NOBID 131844N 1083455E	216°	Left	NIL	FL 080 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ - Sector 2 FREQ: 120.100 MHZ
KAMGO 131715N 1090605E	176°	Left	NIL	FL 100 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ - Sector 5 FREQ: 120.700 MHZ
BUON MA THUOT /BMT DVOR/DME 123959N 1080723E	182°	Left	NIL	FL 090 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 2 FREQ: 120.100 MHZ
KARAN 123856N 1090924E	213°	Left	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ - Sector 5 FREQ: 120.700 MHZ
CAM RANH / CRA DVOR/DME 115940N 1091312E	243°	Left	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 1 FREQ: 134.050 MHZ - Sector 5 FREQ: 120.700 MHZ
NITOM 124431N 1103825E	243°	Left	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 5 FREQ: 120.700 MHZ
DOVIN 115501N 1080629E	182°	Left	NIL	FL 090 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 6 FREQ: 132.350 MHZ

Tên khu chờ/Điểm chờ/ Lộ điểm Tọa độ HLDG ID/FIX/WPT Coordinates	Hướng về đài (°MAG) INBD TR (°MAG)	Hướng vòng lượn tiêu chuẩn Direction of PTN	Đồng hồ chỉ không tốc tối đa (KT) MAX IAS (KT)	Mức bay khu chờ tối đa/tối thiểu FL / FT (MSL) MNM - MAX HLDG LVL FL / FT (MSL)	Thời gian (phút) hoặc khoảng cách rời đài Time (MIN) or DIST OUBD	Cơ quan kiểm soát và tần số Controlling unit and Frequency
LIEN KHUONG / LKH DVOR/DME 114515N 1082119E	255°	Left	NIL	FL 110 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 6 FREQ: 132.350 MHZ - Sector 5 FREQ: 120.700 MHZ
RINKU 105204N 1083229E	278°	Left	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 6 FREQ: 132.350 MHZ - Sector 5 FREQ: 120.700 MHZ
DAMVO 110630N 1093242E	264°	Left	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 5 FREQ: 120.700 MHZ
DAGAG 092748N 1082630E	306°	Left	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 4 FREQ: 133.050 MHZ
CON SON / CN NDB 084358N 1063735E	355°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 4 FREQ: 133.050 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
NIXIV 092336N 1063802E	002°	Right	NIL	FL 070 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
ANHOA 094714N 1055430E	036°	Right	NIL	FL 040 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
CAN THO / TRN DVOR/DME 100500N 1054220E	079°	Right	NIL	FL 040 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ

2.2 ĐIỀU CHỈNH KHU CHỜ TRÊN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TRONG VÙNG THÔNG BÁO BAY HỒ CHÍ MINH

2.2 ADJUSTMENT OF EN-ROUTE HOLDING IN HO CHI MINH FIR

Ghi chú: Các nội dung điều chỉnh được bôi đậm.

Note: Adjusted contents are highlighted in bold.

Tên khu chờ/Điểm chờ/ Lộ điểm Tọa độ HLDG ID/FIX/WPT Coordinates	Hướng về đài (°MAG) INBD TR (°MAG)	Hướng vòng lượn tiêu chuẩn Direction of PTN	Đồng hồ chỉ không tốc tối đa (KT) MAX IAS (KT)	Mức bay khu chờ tối đa/tối thiểu FL / FT (MSL) MNM - MAX HLDG LVL FL / FT (MSL)	Thời gian (phút) hoặc khoảng cách rời đài Time (MIN) or DIST OUBD	Cơ quan kiểm soát và tần số Controlling unit and Frequency
BIVIM 193034N 1060628E	336°	Left	265	FL 230 - FL 280	1.5	Ha Noi ACC - Sector 2 FREQ: 133.650 MHZ
BUNTA 165000N 1092342E	236°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ha Noi ACC Sector 4 FREQ: 123.300 MHZ

Tên khu chờ/Điểm chờ/ Lộ điểm Tọa độ HLDG ID/FIX/WPT Coordinates	Hướng về đài (°MAG) INBD TR (°MAG)	Hướng vòng lượn tiêu chuẩn Direction of PTN	Đồng hồ chỉ không tốc tối đa (KT) MAX IAS (KT)	Mức bay khu chờ tối đa/tối thiểu FL / FT (MSL) MNM - MAX HLDG LVL FL / FT (MSL)	Thời gian (phút) hoặc khoảng cách rời đài Time (MIN) or DIST OUBD	Cơ quan kiểm soát và tần số Controlling unit and Frequency
DA NANG / DAN DVOR/DME 160310N 1081154E	150°	Right	NIL	2 150 M - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ha Noi ACC Sector 4 FREQ: 123.300 MHZ
DAN DVOR/DME R254/70KM 155241N 1073408E	074°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ha Noi ACC Sector 4 FREQ: 123.300 MHZ
DAN DVOR/DME R185/100 KM 150924N 1080702E	005°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ha Noi ACC Sector 4 FREQ: 123.300 MHZ
DONGI (A202) 174053N 1063543E	057°	Right	NIL	FL 290 - FL 460	1.5	Ha Noi ACC - Sector 3 FREQ: 125.900 MHZ
ITBAM 164000N 1093606E	245°	Left	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ha Noi ACC Sector 4 FREQ: 123.300 MHZ
KONCO 170000N 1071113E	139°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ha Noi ACC - Sector 3 FREQ: 125.900 MHZ - Sector 4 FREQ: 123.300 MHZ
MOC CHAU / MC Moc Chau NDB 204941N 1044201E	070°	Right	NIL	FL 120 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ha Noi ACC Sector 1 FREQ: 132.300 MHZ
NAKHA (R474) 215800N 1062936E	219°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ha Noi ACC Sector 1 FREQ: 132.300 MHZ
NAM HA / NAH Nam Ha DVOR/DME 202313.9670N 060703.8304E	335°	Left	NIL	FL 120 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ha Noi ACC Sector 2 FREQ: 133.650 MHZ
QUANG NGAI 150659N 1084801E	349°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	- Da Nang CTL FREQ: 125.300 MHZ - Ho Chi Minh ACC Sector 2 FREQ: 120.100 MHZ
VIDEN 170114N 1072156E	336°	Left	265	FL 290 - FL 340 (except No-PDC FL 310)	1.5	Ha Noi ACC - Sector 3 FREQ: 125.900 MHZ
PHAN THIET / PTH CVOR/DME 105541N 1080419E	278°	Left	NIL	FL 140 (4 200 M) - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 6 (up to FL 305 inclusive) FREQ: 132.350 MHZ - Sector 5 (above FL 305) FREQ: 120.700 MHZ
TSH DVOR/DME W1/ 100 KM 112006N 1072406E	236°	Left	NIL	FL 140 (4 200 M) - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Tan Son Nhat APP Ho Chi Minh ACC - Sector 6 FREQ: 132.350 MHZ

Tên khu chờ/Điểm chờ/ Lộ điểm Tọa độ HLDG ID/FIX/WPT Coordinates	Hướng về đài (°MAG) INBD TR (°MAG)	Hướng vòng lượn tiêu chuẩn Direction of PTN	Đồng hồ chỉ không tốc tối đa (KT) MAX IAS (KT)	Mức bay khu chờ tối đa/tối thiểu FL / FT (MSL) MNM - MAX HLDG LVL FL / FT (MSL)	Thời gian (phút) hoặc khoảng cách rời đài Time (MIN) or DIST OUBD	Cơ quan kiểm soát và tần số Controlling unit and Frequency
ELSAS 100812N 1073254E	309°	Left	NIL	FL 140 (4 200 M) - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Tan Son Nhat APP Ho Chi Minh ACC - Sector 4 FREQ: 133.050 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
LANHI 102422N 1071129E	309°	Left	NIL	FL 140 (4 200 M) - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Tan Son Nhat APP Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
VUNG TAU / VTV DVOR/DME 102222N 1070540E	316°	Left	NIL	FL 050 (1 500 M) - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Tan Son Nhat APP Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
XOBAV 100825N 1063833E	002°	Right	240	FL 100 (3 050 M) - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Tan Son Nhat APP Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
BITIS 101559N 1061454E	037°	Right	240	FL 100 (3 050 M) - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Tan Son Nhat APP Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
BIBAN 083000N 1050000E	036°	Right	NIL	FL 140 (4 200 M) - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
RACH GIA / RG NDB 095734N 1050759E	103°	Right	NIL	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
BACHU 103503N 1060025E	071°	Right	240	FL 100 (3 050 M) - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Tan Son Nhat APP Ho Chi Minh ACC - Sector 3 FREQ: 120.900 MHZ - Sector 7 FREQ: 128.175 MHZ
AN LOC / AC NDB 105621N 1071118E	258°	Left	NIL	NIL	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Tan Son Nhat APP Ho Chi Minh ACC - Sector 6 FREQ: 132.350 MHZ
CHIPO 112013N 1072409E	209°	Left	240	FL 140 - FL 460	1 ≤ FL 140 1.5 > FL 140	Tan Son Nhat APP Ho Chi Minh ACC - Sector 6 FREQ: 132.350 MHZ

2.3 HỦY BỎ KHU CHỜ TRÊN HÀNG KHÔNG TRONG VÙNG THÔNG BÁO BAY HỒ CHÍ MINH

2.3 CANCELLATION OF EN-ROUTE HOLDING IN HO CHI MINH FIR

Tên khu chờ/Điểm chờ/ Lộ điểm Tọa độ HLDG ID/FIX/WPT Coordinates	Hướng về đài (°MAG) INBD TR (°MAG)	Hướng vòng lượn tiêu chuẩn Direction of PTN	Đồng hồ chỉ không tốc tối đa (KT) MAX IAS (KT)	Mức bay khu chờ tối đa/tối thiểu FL / FT (MSL) MNM - MAX HLDG LVL FL / FT (MSL)	Thời gian (phút) hoặc khoảng cách rời đài Time (MIN) or DIST OUBD	Cơ quan kiểm soát và tần số Controlling unit and Frequency
DA LAT / DL Da Lat NDB 114452N 1081554E	054°	Left	NIL	FL 140 (4 200 M) - FL 460	1 ≤ FL140 1.5 > FL140	Ho Chi Minh ACC Sector 2 FREQ: 120.100 MHZ

3 HIỆU LỰC

3 EFFECT

Tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này sẽ có hiệu lực từ ngày 28/12/2023.

This AIRAC AIP Supplement shall become effective from 28 DEC 2023.

4 HỦY BỎ

4 CANCELLATION

Tập bổ sung AIP này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

This AIP Supplement shall remain in force until its content has been incorporated into the Viet Nam AIP.

Ghi chú: Nội dung của tập bổ sung AIP theo chu kỳ AIRAC này sẽ hủy bỏ các trang ENR 3.6-1, 2, 3 trong AIP Việt Nam.

Note: The contents of this AIRAC AIP Supplement shall cancel pages ENR 3.6-1, 2, 3 of the Viet Nam AIP.

Tập bổ sung AIP này gồm 2 phụ đính như sau:

This AIP Supplement consists of 2 attachment as follows:

Khu chờ trên đường hàng không 1 (chi tiết xem tại trang 7)

En-route holding 1 (see page 7 for detail)

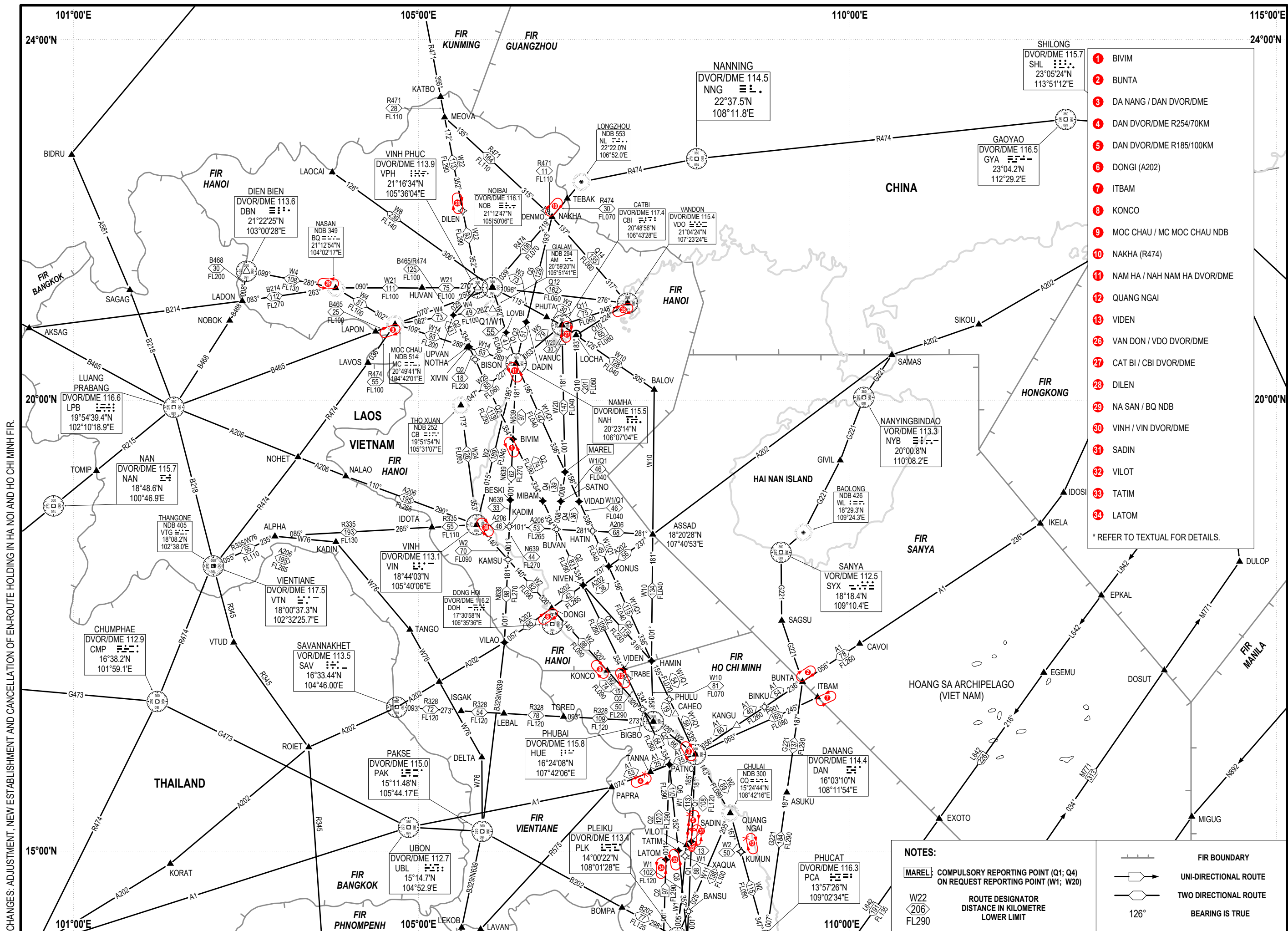
Khu chờ trên đường hàng không 2 (chi tiết xem tại trang 8)

En-route holding 2 (see page 8 for detail)

- HẾT -

- END -

EN-ROUTE HOLDING CHART 1



EN-ROUTE HOLDING CHART 2

